PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định việc nhập khẩu thuốc lá phục vụ kinh doanh bán hàng miễn thuế

Thông tư số 02/2010/TT-BCT ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu thuốc lá phục vụ kinh doanh bán hàng miễn thuế, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 10/2011/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương,

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thông báo tại các văn bản số 4215/VPCP-KTTH ngày 23 tháng 6 năm 2009 và số 5441/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 8 năm 2009 của Văn phòng Chính phủ về việc kinh doanh bán hàng miễn thuế và quy định đối với thuốc lá nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế;

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Y tế và Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu thuốc lá phục vụ kinh doanh bán hàng miễn thuế như sau:[1]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định việc nhập khẩu thuốc lá đối với thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế có giấy phép hoạt động theo quy định tại Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và các tổ chức có liên quan đến hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Điều 2. Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế

1. Thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá bán tại cửa hàng kinh doanh miễn thuế

Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá cho thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế.

2. Hồ sơ cấp phép

2.1. Công văn của thương nhân đề nghị cho phép nhập khẩu thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế (theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này)

2.2.[2] Giấy phép hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế: 01 (một) bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

---

[1] Thông tư số 10/2011/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương,

Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu như sau,"

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 10/2011/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

2.3. Báo cáo tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá từ đầu năm đến thời điểm đề nghị cấp phép, có xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý Cửa hàng (theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

3.[3] Nơi tiếp nhận hồ sơ

Thương nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo đường bưu điện đến Bộ Công Thương (Vụ Xuất nhập khẩu). Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản trả lời của Bộ Công Thương được gửi cho thương nhân theo đường bưu điện theo địa chỉ ghi trên công văn đề nghị cho phép nhập khẩu của thương nhân.

4. Thời gian cấp phép

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân, Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp.

Điều 3. Quy định về cảnh báo tác hại của thuốc lá

Thuốc lá nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế phải in cảnh báo về tác hại đối với sức khỏe bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh phù hợp với các quy định của Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC).

Điều 4. Xử lý thuốc lá đã nhập khẩu tồn đọng, khó tiêu thụ hoặc hư hỏng, quá hạn, kém phẩm chất

1. Thuốc lá đã nhập khẩu để kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế nhưng tồn đọng, khó tiêu thụ không được phép chuyển vào tiêu thụ tại thị trường nội địa, phải tái xuất khẩu và không cần có giấy phép của Bộ Công Thương.

2. Thuốc lá hư hỏng, kém chất lượng, quá hạn sử dụng hoặc không tái xuất được phải thực hiện tiêu hủy. Thương nhân lập biên bản về tình trạng hàng hoá đề nghị cơ quan hải quan cho phép tiêu hủy; tổ chức tiêu hủy dưới sự giám sát của cơ quan Hải quan, lập Biên bản gửi về Bộ Công Thương, Bộ Tài chính thay cho báo cáo. Việc tiêu hủy bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường...

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 10/2011/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Điều 5. Điều khoản thi hành[4]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2010.

2. Bãi bỏ Thông tư số 21/1998/TT-BTM của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) ngày 24 tháng 12 năm 1998 hướng dẫn thi hành Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 28/1999/TT-BTM ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) điều chỉnh bổ sung Thông tư số 21/1998/TT-BTM của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) ngày 24 tháng 12 năm 1998 hướng dẫn thi hành Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 03/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

---

[4] Điều 5 Thông tư số 10/2011/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, các thương nhân, các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xử lý./."

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng